

BỘ NỘI VỤ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 751 /QĐ-BNV

Hà Nội, ngày 22 tháng 10 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Điều lệ (sửa đổi, bổ sung) Hội Bảo vệ người tiêu dùng Việt Nam

BỘ TRƯỞNG BỘ NỘI VỤ

Căn cứ Luật quy định quyền lập hội ngày 20 tháng 5 năm 1957;

Căn cứ Nghị định số 63/2022/NĐ-CP ngày 12 tháng 9 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ;

Căn cứ Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội; Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP;

Theo đề nghị của Chủ tịch Hội Bảo vệ người tiêu dùng Việt Nam và Vụ trưởng Vụ Tổ chức phi chính phủ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này Điều lệ (sửa đổi, bổ sung) của Hội Bảo vệ người tiêu dùng Việt Nam đã được Đại hội đại biểu nhiệm kỳ II (2023 - 2028) của Hội Bảo vệ người tiêu dùng Việt Nam thông qua ngày 19 tháng 01 năm 2024 tại Hà Nội.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chủ tịch Hội Bảo vệ người tiêu dùng Việt Nam, Vụ trưởng Vụ Tổ chức phi chính phủ và Chánh Văn phòng Bộ Nội vụ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *./.*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng Bộ Nội vụ (để báo cáo);
- Thứ trưởng Vũ Chiến Thắng;
- Bộ Công Thương;
- Bộ Công an; C06 (để p/h);
- Lưu: VT, Vụ TCCP, NTTM (3).

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Vũ Chiến Thắng



ĐIỀU LỆ (SỬA ĐỔI, BỔ SUNG)
HỘI BẢO VỆ NGƯỜI TIÊU DÙNG VIỆT NAM
(*Phê duyệt kèm theo Quyết định số: 751/QĐ-BNV ngày 22 tháng 10 năm 2024*
của Bộ trưởng Bộ Nội vụ)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Tên gọi, biểu tượng

- Tên tiếng Việt: Hội Bảo vệ người tiêu dùng Việt Nam;
- Tên tiếng Anh: Vietnam Consumers Protection Association;
- Tên viết tắt tiếng Anh: VICOPRO;
- Biểu tượng: Hội Bảo vệ người tiêu dùng Việt Nam có biểu tượng riêng, được đăng ký bản quyền theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Tôn chỉ, mục đích

Hội Bảo vệ người tiêu dùng Việt Nam (sau đây gọi tắt là Hội) là tổ chức xã hội của công dân, tổ chức Việt Nam hoạt động trong lĩnh vực liên quan đến bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng theo quy định của pháp luật, tự nguyện thành lập, nhằm mục đích tập hợp, đoàn kết hội viên, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của hội viên; hỗ trợ nhau hoạt động có hiệu quả, tham gia bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng theo quy định của pháp luật, góp phần vào việc phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Điều 3. Địa vị pháp lý, trụ sở

- Hội Bảo vệ người tiêu dùng Việt Nam có tư cách pháp nhân, con dấu, tài khoản riêng; hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam và Điều lệ Hội được Bộ trưởng Bộ Nội vụ phê duyệt theo quy định của pháp luật.
- Trụ sở chính của Hội đặt tại Hà Nội. Hội báo cáo cơ quan quản lý nhà nước khi có sự thay đổi địa chỉ trụ sở. Hội được lập Văn phòng đại diện tại các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Phạm vi, lĩnh vực hoạt động

- Hội Bảo vệ người tiêu dùng Việt Nam hoạt động trên phạm vi cả nước, trong lĩnh vực bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng theo quy định của pháp luật.
- Hội chịu sự quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ; sự quản lý chuyên ngành của Bộ Công Thương về lĩnh vực hoạt động chính của Hội và các Bộ ngành có liên quan đến lĩnh vực Hội hoạt động theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động

- Tự nguyện, tự quản.
- Dân chủ, bình đẳng, công khai, minh bạch.

3. Tự bảo đảm kinh phí hoạt động.
4. Không vì mục đích lợi nhuận.
5. Tuân thủ Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ Hội.

Chương II **QUYỀN HẠN, NHIỆM VỤ**

Điều 6. Quyền hạn của Hội

1. Tuyên truyền tôn chỉ, mục đích hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật.
2. Đại diện cho hội viên của Hội trong các mối quan hệ có liên quan đến tôn chỉ, mục đích, chức năng, nhiệm vụ của Hội theo quy định của pháp luật.
3. Bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của Hội và hội viên phù hợp với tôn chỉ, mục đích của Hội theo quy định của pháp luật.
4. Tham gia chương trình, dự án, đề tài nghiên cứu, tư vấn, phản biện và giám định xã hội theo đề nghị của cơ quan nhà nước; tổ chức hoạt động dịch vụ về các vấn đề thuộc lĩnh vực hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật.
5. Tham gia ý kiến vào các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến nội dung hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật. Kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với các vấn đề liên quan tới sự phát triển Hội và lĩnh vực Hội hoạt động theo quy định của pháp luật.
6. Phối hợp với cơ quan, tổ chức có liên quan để thực hiện nhiệm vụ của Hội theo Điều lệ Hội và quy định của pháp luật.
7. Thực hiện các quyền và trách nhiệm của tổ chức xã hội tham gia bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng theo quy định của pháp luật về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng và các quy định khác của pháp luật có liên quan.
8. Thành lập và chịu trách nhiệm toàn diện về tổ chức, hoạt động, quản lý các tổ chức có tư cách pháp nhân trực thuộc Hội theo quy định của pháp luật, phù hợp với Điều lệ Hội và lĩnh vực Hội hoạt động; báo cáo Bộ Nội vụ về việc thành lập pháp nhân và hoạt động của các pháp nhân theo quy định của pháp luật.
9. Được tạo nguồn thu Hội trên cơ sở hội phí của hội viên và các nguồn thu hợp pháp từ hoạt động dịch vụ theo quy định của pháp luật để tự trang trải về kinh phí hoạt động.
10. Được nhận các nguồn tài trợ hợp pháp của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật. Được Nhà nước hỗ trợ kinh phí đối với những hoạt động gắn với nhiệm vụ của Nhà nước giao (nếu có).
11. Được gia nhập các tổ chức quốc tế tương ứng và ký kết, thực hiện thỏa thuận quốc tế theo quy định của pháp luật và báo cáo Bộ Nội vụ, Bộ Công

Thương và Bộ ngành, cơ quan có liên quan đến lĩnh vực Hội hoạt động về việc gia nhập tổ chức quốc tế tương ứng, ký kết, thực hiện thỏa thuận quốc tế. Được gia nhập các tổ chức trong nước theo quy định pháp luật và Điều lệ tổ chức đó.

12. Được in, phát hành các ấn phẩm nhằm phục vụ tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật và kiến thức tiêu dùng thuộc lĩnh vực Hội hoạt động theo quy định của pháp luật.

13. Thực hiện các quyền hạn khác theo quy định của pháp luật, phù hợp tôn chỉ, mục đích, lĩnh vực hoạt động của Hội.

Điều 7. Nhiệm vụ của Hội

1. Chấp hành các quy định của pháp luật có liên quan đến tổ chức, hoạt động của Hội. Tổ chức, hoạt động theo Điều lệ Hội đã được Bộ trưởng Bộ Nội vụ phê duyệt. Không được lợi dụng hoạt động của Hội để làm phương hại đến an ninh quốc gia, trật tự xã hội, đạo đức, thuần phong mỹ tục, truyền thống của dân tộc, quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức.

2. Tập hợp, đoàn kết hội viên; tổ chức, phối hợp hoạt động giữa các hội viên vì lợi ích chung của Hội và quyền lợi của người tiêu dùng trong cả nước; thực hiện đúng tôn chỉ, mục đích của Hội nhằm tham gia phát triển lĩnh vực liên quan đến hoạt động của Hội, góp phần xây dựng và phát triển đất nước.

3. Giới thiệu sản phẩm, dịch vụ được người tiêu dùng tin cậy đến tay người tiêu dùng cuối cùng; là cầu nối trong mối quan hệ giữa nhà sản xuất, nhà phân phối, nhà xuất khẩu để hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm, dịch vụ liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật.

4. Tuyên truyền, phổ biến, bồi dưỡng, huấn luyện kiến thức, chính sách, pháp luật trong lĩnh vực Hội hoạt động cho hội viên, người tiêu dùng và các tổ chức, cá nhân khi có yêu cầu; hướng dẫn hội viên tuân thủ pháp luật, chế độ, chính sách của Nhà nước và Điều lệ, quy chế, quy định, quy tắc của Hội.

5. Đại diện hội viên tham gia, kiến nghị với các cơ quan có thẩm quyền về các chủ trương, chính sách liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật.

6. Chịu trách nhiệm hòa giải tranh chấp, giải quyết phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo trong nội bộ Hội, liên quan đến Hội, tổ chức pháp nhân trực thuộc Hội, hội viên theo quy định của pháp luật, Điều lệ Hội và báo cáo kết quả xác minh, giải quyết với cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

7. Tiếp nhận, giải quyết phản ánh, kiến nghị, khiếu nại chính đáng của người tiêu dùng. Hướng dẫn, tư vấn, thương lượng, hoà giải tranh chấp và giúp đỡ người tiêu dùng tự bảo vệ quyền lợi của mình theo quy định của pháp luật.

8. Bảo đảm ưu tiên tiếp nhận, xử lý yêu cầu của người tiêu dùng dễ bị tổn thương và hướng dẫn người tiêu dùng dễ bị tổn thương cung cấp các chứng cứ, tài liệu về việc quyền lợi của mình bị xâm phạm theo quy định của pháp luật về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng và các quy định khác của pháp luật có liên quan; Công khai thông tin cảnh báo người tiêu dùng trong giao dịch trên không gian mạng bằng hình thức phù hợp, đảm bảo thuận tiện cho người tiêu dùng tiếp nhận thông tin theo quy định của pháp luật về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

9. Xây dựng và ban hành các quy chế, Quy tắc đạo đức nghề nghiệp trong hoạt động của Hội theo Điều lệ Hội và quy định của pháp luật.

10. Quản lý và sử dụng hiệu quả các nguồn kinh phí của Hội theo đúng quy định của pháp luật và Quy chế quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hội.

11. Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ và đột xuất về tình hình hoạt động của Hội gửi cơ quan quản lý nhà nước theo quy định của pháp luật.

12. Thực hiện các nhiệm vụ khác khi cơ quan có thẩm quyền yêu cầu theo quy định của pháp luật.

Chương III HỘI VIÊN

Điều 8. Hội viên, tiêu chuẩn hội viên

1. Hội viên của Hội gồm hội viên chính thức, hội viên liên kết và hội viên danh dự:

a) Hội viên chính thức gồm hội viên tổ chức và hội viên cá nhân:

- Hội viên tổ chức: Tổ chức có tư cách pháp nhân của Việt Nam có nguyện vọng tham gia hoạt động Hội, có đủ tiêu chuẩn quy định tại Khoản 2 Điều này, tán thành Điều lệ Hội, tự nguyện có đơn xin gia nhập Hội, được Hội xem xét, công nhận là hội viên chính thức.

- Hội viên cá nhân: Công dân Việt Nam có nguyện vọng tham gia hoạt động Hội, cam kết thực hiện tôn chỉ, mục đích của Hội, có đủ tiêu chuẩn quy định tại Khoản 2 Điều này, tán thành Điều lệ Hội, tự nguyện có đơn xin gia nhập Hội, được Hội xem xét, công nhận là hội viên chính thức.

b) Hội viên liên kết:

- Các doanh nghiệp, tổ chức Việt Nam không có điều kiện hoặc không đủ tiêu chuẩn trở thành hội viên chính thức của Hội, nhưng có nguyện vọng tham gia đóng góp vào hoạt động của Hội, tán thành Điều lệ Hội, tự nguyện có đơn xin gia nhập Hội thì được Hội xem xét, công nhận là hội viên liên kết.

- Các doanh nghiệp liên doanh và doanh nghiệp 100% vốn đầu tư nước ngoài (sau đây gọi chung là doanh nghiệp có yếu tố nước ngoài) hoạt động hợp pháp tại Việt Nam, có tham gia trong lĩnh vực hoạt động của Hội, có đóng góp cho sự phát triển của Hội, tán thành Điều lệ Hội, tự nguyện có đơn xin gia nhập

Hội thì được Hội xem xét, công nhận là hội viên liên kết.

c) Hội viên danh dự: Công dân Việt Nam và tổ chức pháp nhân của Việt Nam không có điều kiện trở thành hội viên chính thức của Hội hoặc không sinh hoạt thường xuyên, nhưng có tâm huyết, uy tín, có kinh nghiệm, có ảnh hưởng tích cực và có đóng góp xây dựng vì sự phát triển của Hội, tán thành Điều lệ Hội, tự nguyện có đơn xin gia nhập Hội thì được Hội xem xét, công nhận là hội viên danh dự hoặc mời làm hội viên danh dự.

2. Điều kiện tiêu chuẩn hội viên chính thức

a) Hội viên cá nhân: Công dân Việt Nam từ đủ 18 tuổi trở lên có đủ năng lực hành vi dân sự, không bị xem xét, truy cứu trách nhiệm hình sự; hoạt động trong lĩnh vực có liên quan đến bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng theo quy định của pháp luật; có điều kiện tham gia các hoạt động thường xuyên của Hội; tự nguyện viết Đơn xin gia nhập Hội (theo mẫu do Hội quy định);

b) Hội viên tổ chức: Các doanh nghiệp và các tổ chức kinh tế, xã hội Việt Nam có tư cách pháp nhân được thành lập, hoạt động trong lĩnh vực có liên quan đến bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng theo quy định của pháp luật (không bao gồm tổ chức có yếu tố nước ngoài), có điều kiện tham gia các hoạt động thường xuyên của Hội; tự nguyện viết Đơn gia nhập Hội (theo mẫu do Hội quy định) kèm theo bản sao giấy phép thành lập, quyết định thành lập hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;

c) Mỗi tổ chức là hội viên chính thức cử 01 (một) người đại diện làm đầu mối tham gia các hoạt động của Hội, người đại diện phải làm việc chính thức tại tổ chức có tư cách pháp nhân đó. Người đại diện phải có đủ thẩm quyền quyết định, được ghi rõ họ tên, chức vụ trong đơn xin gia nhập Hội; trường hợp ủy nhiệm, người được ủy nhiệm làm đại diện phải đủ thẩm quyền quyết định và người ủy nhiệm phải chịu trách nhiệm về sự ủy nhiệm đó. Trường hợp thay đổi người đại diện, hội viên phải thông báo bằng văn bản ngay sau khi thay đổi người đại diện gửi cho Hội biết (chậm nhất không quá 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày có sự thay đổi người đại diện).

Điều 9. Quyền của hội viên

1. Được Hội bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp theo quy định của pháp luật.

2. Được Hội cung cấp thông tin; được tham gia các sự kiện, hội nghị, hội thảo, tập huấn; được phổ biến chính sách, pháp luật, bồi dưỡng kiến thức, chuyên môn, nghiệp vụ liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội.

3. Được tham gia thảo luận, quyết định các chủ trương công tác của Hội; được kiến nghị, đề xuất ý kiến với cơ quan có thẩm quyền về những vấn đề có liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật.

4. Được quyền đề đạt các ý kiến của mình về chủ trương của Đảng và chính sách của Nhà nước trong lĩnh vực hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật nhằm tạo sự ổn định và phát triển Hội.

5. Hội viên chính thức được dự Đại hội, ứng cử, đề cử, bầu cử các chức

danh lãnh đạo Hội, Ban Chấp hành và Ban Kiểm tra Hội theo Điều lệ Hội và quy định của pháp luật.

6. Được giới thiệu hội viên mới.

7. Được khen thưởng theo quy định của Hội.

8. Được cấp thẻ hội viên (nếu có).

9. Được ra khỏi Hội khi xét thấy không thể tiếp tục là hội viên.

10. Hội viên liên kết, hội viên danh dự được hưởng quyền và nghĩa vụ như hội viên chính thức, trừ quyền biểu quyết và quyền ứng cử, đề cử, bầu cử Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra Hội.

Điều 10. Nghĩa vụ của hội viên

1. Nghiêm chỉnh chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; chấp hành Điều lệ, các quy chế, quy định, quy tắc của Hội; thực hiện tôn chỉ mục đích và các chủ trương nghị quyết của Hội.

2. Tham gia các hoạt động của Hội; đoàn kết, hợp tác với các hội viên khác để xây dựng Hội phát triển vững mạnh.

3. Bảo vệ uy tín của Hội, không được nhân danh Hội trong các quan hệ giao dịch, trừ khi được lãnh đạo Hội phân công bằng văn bản.

4. Tham gia tuyên truyền, phổ biến về quyền và nghĩa vụ của người tiêu dùng theo quy định của pháp luật; mở rộng ảnh hưởng và uy tín của Hội; khuyến khích các tổ chức, cá nhân hưởng ứng các hoạt động của Hội vì lợi ích người tiêu dùng và chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước.

5. Tích cực đấu tranh với những hành vi xâm phạm quyền và lợi ích chính đáng của người tiêu dùng; Tích cực nghiên cứu, học tập để nâng cao trình độ và đẩy mạnh công tác bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

6. Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo theo quy định của Hội.

7. Đóng hội phí đầy đủ và đúng hạn theo quy định của Hội.

Điều 11. Thủ tục, thẩm quyền kết nạp hội viên; thủ tục ra khỏi Hội

1. Thủ tục gia nhập Hội

a) Các cá nhân và tổ chức có đủ tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 8, có nguyện vọng tự nguyện gia nhập Hội, nộp hồ sơ gửi Văn phòng Hội;

b) Hồ sơ gồm có:

- Đơn tự nguyện xin gia nhập Hội (theo mẫu quy định).

- Bản sao (công chứng không quá 6 tháng) các hồ sơ sau: Quyết định thành lập; Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; Danh sách lãnh đạo chủ chốt của tổ chức; Hồ sơ giới thiệu về tổ chức; Giấy uỷ quyền, Căn cước công dân/hộ chiếu của người đại diện đối với Hội viên là tổ chức; Căn cước công dân/Hộ

chiếu đối với Hội viên là cá nhân.

2. Thẩm quyền kết nạp hội viên

a) Hội tiếp nhận, hướng dẫn, kiểm tra và xem xét hồ sơ xin gia nhập. Sau khi tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ xin gia nhập Hội theo Điều lệ Hội; Hội xem xét, kết nạp hội viên và ký quyết định công nhận hội viên;

b) Hội viên mới phải nộp hội phí trong vòng 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày được kết nạp là hội viên chính thức.

3. Thủ tục ra khỏi Hội, khai trừ và xoá tên hội viên

a) Tự nguyện xin ra khỏi Hội: Hội viên nộp đơn xin ra khỏi Hội gửi về Hội, Hội xem xét theo quy định Điều lệ Hội;

b) Hội viên là cá nhân chết hoặc mất năng lực hành vi dân sự thì Hội xem xét, quyết định xoá tên hội viên trong danh sách của Hội;

c) Hội viên bị tước quyền công dân bởi một bản án hoặc quyết định có hiệu lực của cơ quan nhà nước có thẩm quyền thì đương nhiên bị xoá tên trong danh sách của Hội;

d) Hội viên là tổ chức bị giải thể hoặc phá sản bởi quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền thì đương nhiên bị xoá tên trong danh sách của Hội;

đ) Trường hợp tổ chức bị đình chỉ hoạt động, quyền hội viên của tổ chức sẽ bị đình chỉ cho đến khi tổ chức này hoạt động trở lại theo quy định của pháp luật;

e) Hội viên bị khai trừ, xoá tên có quyền khiếu nại lên Đại hội và quyết định của Đại hội là quyết định cuối cùng;

g) Hội viên bị khai trừ trong các trường hợp sau:

- Hội viên làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền lợi, uy tín của Hội.
- Cá nhân không có hoặc hạn chế năng lực hành vi; tổ chức doanh nghiệp bị giải thể hoặc phá sản.
- Vi phạm Điều lệ Hội, các nghị quyết, quy định của Hội; Chủ tịch Hội quyết định khai trừ hội viên đối với các trường hợp nêu trên.
- Vi phạm pháp luật hình sự.
- Không đóng hội phí theo quy định của Điều lệ Hội mà không có lý do chính đáng và không báo cáo bằng văn bản gửi Hội.

h) Hội xem xét, quyết định, công bố, công khai danh sách các hội viên xin rút khỏi Hội, các hội viên bị đình chỉ, bị xoá tên và bị khai trừ. Quyền và nghĩa vụ của hội viên chấm dứt kể từ ngày Hội ban hành nghị quyết, quyết định xoá tên, khai trừ hội viên khỏi Hội.

4. Đối với ủy viên Ban Chấp hành, Ủy viên Ban Thường vụ muốn xin ra khỏi Hội phải có đơn gửi Ban Chấp hành và báo cáo tại cuộc họp Ban Chấp hành gần nhất (hoặc thông qua bằng cách xin ý kiến qua email). Ban Chấp hành xem xét, quyết định. Ủy viên phải tiến hành bàn giao công việc, cơ sở vật chất,

tài chính mà mình phụ trách (nếu có) cho Hội theo Điều lệ, Quy chế của Hội.

5. Ủy viên Ban Chấp hành không tham dự liên tục 03 (ba) kỳ họp Ban Chấp hành mà không có lý do chính đáng thì bị xóa tên trong danh sách Ban Chấp hành, đồng thời phải có trách nhiệm bàn giao công việc, cơ sở vật chất, tài chính (nếu có).

6. Ban Chấp hành Hội quy định tiêu chuẩn, thủ tục và thẩm quyền kết nạp hội viên, thủ tục ra khỏi Hội.

Chương IV **TỔ CHỨC, HOẠT ĐỘNG**

Điều 12. Cơ cấu, tổ chức của Hội

1. Đại hội.
2. Ban Chấp hành Hội.
3. Ban Thường vụ Hội.
4. Thường trực Hội.
5. Ban Kiểm tra Hội.
6. Văn phòng và các Ban chuyên môn.
7. Tổ chức có tư cách pháp nhân thuộc Hội được thành lập theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

Điều 13. Đại hội

1. Cơ quan lãnh đạo cao nhất của Hội là Đại hội nhiệm kỳ hoặc Đại hội bất thường. Đại hội nhiệm kỳ được tổ chức 05 (năm) năm một lần. Đại hội bất thường được triệu tập khi ít nhất có 2/3 (hai phần ba) tổng số ủy viên Ban Chấp hành hoặc có trên 1/2 (một phần hai) tổng số hội viên chính thức đề nghị.

2. Đại hội nhiệm kỳ hoặc Đại hội bất thường được tổ chức dưới hình thức Đại hội toàn thể hoặc Đại hội đại biểu. Đại hội toàn thể hoặc Đại hội đại biểu được tổ chức hợp lệ khi có trên 1/2 (một phần hai) số hội viên chính thức hoặc có ít nhất 2/3 (hai phần ba) số đại biểu chính thức có mặt. Thành phần, số lượng đại biểu dự Đại hội do Ban Chấp hành quyết định.

3. Nhiệm vụ của Đại hội:

a) Thảo luận và thông qua Báo cáo tổng kết nhiệm kỳ, phương hướng hoạt động nhiệm kỳ mới của Hội;

b) Thảo luận và thông qua Điều lệ (sửa đổi, bổ sung); đổi tên, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể Hội (nếu có);

c) Thảo luận, góp ý kiến vào Báo cáo kiểm điểm của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Ban Kiểm tra và Báo cáo tài chính của Hội;

d) Bầu Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra Hội;

đ) Các nội dung khác (nếu có) vượt quá thẩm quyền của Ban Chấp hành theo quy định của Hội;

e) Thông qua Nghị quyết Đại hội.

4. Nguyên tắc biểu quyết tại Đại hội:

a) Đại hội có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc quy định hình thức biểu quyết do Đại hội quyết định;

b) Việc biểu quyết thông qua các nghị quyết, quyết định của Đại hội phải được trên 1/2 (một phần hai) đại biểu chính thức có mặt tại Đại hội biểu quyết tán thành. Trừ trường hợp quy định tại Điều 27 Điều lệ này.

Điều 14. Ban Chấp hành Hội

1. Ban Chấp hành Hội là cơ quan lãnh đạo giữa hai kỳ Đại hội. Ban Chấp hành do Đại hội bầu trong số các hội viên chính thức của Hội. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn ủy viên Ban Chấp hành do Đại hội quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Chấp hành cùng với nhiệm kỳ Đại hội.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Chấp hành

a) Lãnh đạo, tổ chức triển khai thực hiện nghị quyết Đại hội, Điều lệ Hội và các hoạt động của Hội giữa hai kỳ Đại hội;

b) Chuẩn bị và quyết định triệu tập Đại hội. Thông qua văn kiện trình Đại hội, giới thiệu nhân sự cho nhiệm kỳ mới;

c) Quyết định mức thu hội phí và lệ phí gia nhập Hội;

d) Quyết định chương trình, kế hoạch công tác hàng năm của Hội;

đ) Quyết định cơ cấu tổ chức bộ máy của Hội. Ban hành Quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Ban Kiểm tra; Quy chế quản lý, sử dụng tài chính, tài sản; Quy chế quản lý, sử dụng con dấu; Quy chế khen thưởng, Quy chế kỷ luật; Quy tắc đạo đức nghề nghiệp trong hoạt động của Hội; Quy định tiêu chuẩn, thủ tục và thẩm quyền kết nạp hội viên, thủ tục ra Hội và các quy định trong nội bộ Hội phù hợp với Điều lệ Hội theo quy định của pháp luật;

e) Bầu, miễn nhiệm Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, ủy viên Ban Thường vụ, Tổng thư ký; bầu bổ sung, miễn nhiệm ủy viên Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra. Số ủy viên Ban Chấp hành bầu bổ sung không được quá số lượng ủy viên Ban Chấp hành đã được Đại hội quyết định.

3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Chấp hành:

a) Ban Chấp hành hoạt động theo Quy chế của Ban Chấp hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Hội;

b) Ban Chấp hành họp định kỳ mỗi năm hai lần; có thể họp bất thường khi có yêu cầu của Ban Thường vụ hoặc trên 1/2 (một phần hai) số ủy viên Ban Chấp hành quyết định triệu tập;

c) Các cuộc họp Ban Chấp hành là họp lệ khi có trên 1/2 (một phần hai) số ủy viên Ban Chấp hành tham gia. Ban Chấp hành có thể biểu quyết bằng hình

thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc quy định hình thức biểu quyết do Ban Chấp hành quyết định theo Điều lệ Hội và Quy chế Hội;

d) Giữa hai kỳ họp, Ban Chấp hành có thể biểu quyết hoặc quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của Ban Chấp hành thông qua việc lấy ý kiến ủy viên bằng văn bản hoặc email đảm bảo theo đúng Điều lệ và quy định của pháp luật.

4. Các nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành được thông qua khi có trên 1/2 (một phần hai) số ủy viên Ban Chấp hành biểu quyết tán thành.

Điều 15. Ban Thường vụ Hội

1. Ban Thường vụ do Ban Chấp hành bầu trong số các ủy viên Ban Chấp hành. Ban Thường vụ gồm: Chủ tịch, các Phó Chủ tịch và các ủy viên. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn ủy viên Ban Thường vụ do Ban Chấp hành quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Thường vụ cùng với nhiệm kỳ Đại hội.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Thường vụ:

a) Giúp Ban Chấp hành triển khai thực hiện nghị quyết Đại hội, Điều lệ Hội; tổ chức thực hiện nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành; lãnh đạo hoạt động của Hội giữa hai kỳ họp Ban Chấp hành;

b) Chuẩn bị nội dung và quyết định triệu tập họp Ban Chấp hành;

c) Quyết định thành lập các tổ chức, đơn vị trực thuộc Hội theo nghị quyết của Ban Chấp hành; quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn cơ cấu tổ chức; quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm lãnh đạo (cấp trưởng, cấp phó) văn phòng, văn phòng đại diện (nếu có), các ban chuyên môn và pháp nhân thuộc Hội theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội;

d) Cử, miễn nhiệm Thường trực Hội;

đ) Kết nạp, cho ra khỏi Hội; khen thưởng, kỷ luật hội viên.

3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Thường vụ:

a) Ban Thường vụ hoạt động theo Quy chế do Ban Chấp hành ban hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Hội;

b) Ban Thường vụ họp định kỳ sáu tháng một lần. Khi cần thiết có thể họp bất thường theo yêu cầu của Chủ tịch Hội hoặc trên 1/2 (một phần hai) tổng số ủy viên Ban Thường vụ;

c) Các cuộc họp của Ban Thường vụ là họp lệ khi có trên 1/2 (một phần hai) số ủy viên Ban Thường vụ tham gia dự họp. Ban Thường vụ có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc quy định hình thức biểu quyết do Ban Thường vụ quyết định;

d) Giữa hai kỳ họp, Ban Thường vụ có thể biểu quyết hoặc quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của Ban Thường vụ thông qua việc lấy ý kiến ủy viên bằng văn bản hoặc email đảm bảo theo đúng Điều lệ và quy định của pháp luật.

4. Các nghị quyết, quyết định của Ban Thường vụ được thông qua khi có trên 1/2 (một phần hai) số ủy viên Ban Thường vụ biểu quyết tán thành.

Điều 16. Thường trực Hội

1. Thường trực Hội gồm Chủ tịch, một số Phó Chủ tịch, có nhiệm vụ, quyền hạn:

a) Giúp Ban Thường vụ điều hành và tổ chức hoạt động của Hội giữa hai kỳ họp Ban Thường vụ.

b) Tổ chức triển khai các nghị quyết, quyết định của Ban Thường vụ, Ban Chấp hành;

c) Chuẩn bị nội dung và quyết định triệu tập họp Ban Thường vụ;

2. Thường trực Hội hoạt động theo Quy chế do Ban Chấp hành ban hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Hội, Thường trực Hội thực hiện chế độ họp giao ban hàng tuần.

Điều 17. Ban Kiểm tra Hội

1. Ban Kiểm tra Hội gồm Trưởng ban, Phó trưởng ban và một số ủy viên do Đại hội bầu ra. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn ủy viên Ban Kiểm tra do Đại hội quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Kiểm tra cùng với nhiệm kỳ Đại hội.

2. Ban Kiểm tra họp định kỳ mỗi năm 02 (hai) lần; có thể họp bất thường theo yêu cầu của Trưởng ban hoặc của 2/3 (hai phần ba) tổng số ủy viên Ban Kiểm tra.

3. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm tra:

a) Kiểm tra, giám sát việc thực hiện Điều lệ, nghị quyết Đại hội; nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ; các Quy chế của Hội; tổ chức hoạt động của các đơn vị thuộc Hội, hội viên.

b) Xem xét, giải quyết đơn, thư kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của tổ chức, hội viên và công dân gửi đến Hội theo Điều lệ Hội và quy định của pháp luật.

4. Nguyên tắc hoạt động của Ban Kiểm tra: Ban Kiểm tra hoạt động độc lập với Ban Chấp hành, theo quy chế của Ban Kiểm tra do Ban Chấp hành ban hành theo Điều lệ Hội và tuân thủ quy định của pháp luật.

5. Trong quá trình hoạt động, nếu khuyết Trưởng ban, Phó Trưởng ban Kiểm tra thì Ban Chấp hành Hội xem xét bầu bổ sung hoặc thay thế.

Điều 18. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội

1. Chủ tịch Hội là người đại diện pháp nhân của Hội trước pháp luật, chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi hoạt động của Hội. Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành bầu trong số các ủy viên Ban Thường vụ. Tiêu chuẩn Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành Hội quy định phù hợp quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Hội:

a) Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo Quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội.

b) Chịu trách nhiệm toàn diện trước cơ quan có thẩm quyền cho phép thành

lập Hội, cơ quan quản lý nhà nước về lĩnh vực hoạt động chính của Hội; trước Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội về các hoạt động của Hội. Chỉ đạo, điều hành mọi hoạt động của Hội theo quy định của Điều lệ Hội; nghị quyết Đại hội; nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ và Thường trực Hội.

c) Chỉ đạo công tác chuẩn bị, triệu tập và chủ trì các phiên họp của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ và Thường trực.

d) Thay mặt Ban Chấp hành, Ban Thường vụ ký các văn bản của Hội, như: nghị quyết, quyết định, quy chế, quy định, quy tắc; quyết định thành lập đơn vị thuộc Hội; quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm cấp trưởng, cấp phó đơn vị thuộc Hội và các ban chuyên môn của Hội.

đ) Khi Chủ tịch Hội không trực tiếp điều hành Hội trong thời gian vắng mặt, Ban Thường vụ Hội thống nhất, ban hành Nghị quyết việc chỉ đạo, điều hành giải quyết công việc của Hội, giao ủy quyền bằng văn bản cho Phó Chủ tịch kiêm Tổng thư ký Hội theo Quy chế làm việc do Ban Chấp hành Hội quy định cụ thể.

3. Các Phó Chủ tịch Hội: Phó Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành bầu trong số các ủy viên Ban Thường vụ. Số lượng và tiêu chuẩn Phó Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành quy định. Phó Chủ tịch giúp Chủ tịch Hội chỉ đạo, điều hành công tác của Hội theo sự phân công của Chủ tịch Hội; chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội, trước pháp luật về lĩnh vực công việc được Chủ tịch Hội phân công hoặc ủy quyền.

Phó Chủ tịch Hội thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo Quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ phù hợp với Điều lệ Hội và quy định của pháp luật

4. Tùy theo tình hình thực tế, một Phó Chủ tịch có thể kiêm Tổng thư ký (chức danh này đều phải bầu) và thực hiện các nhiệm vụ quy định đối với Phó Chủ tịch và Tổng thư ký theo Điều lệ Hội.

Điều 19. Tổng thư ký Hội

1. Tổng thư ký Hội do Ban Chấp hành bầu trong số các ủy viên Ban Chấp hành Hội. Tiêu chuẩn Tổng thư ký do Ban Chấp hành Hội quy định theo Điều lệ Hội và phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng thư ký:

a) Là người điều hành thường xuyên các hoạt động của Văn phòng Hội;

b) Xây dựng quy chế hoạt động của Văn phòng Hội báo cáo Ban Chấp hành Hội xem xét, thông qua và ban hành phù hợp với Điều lệ Hội;

c) Chuẩn bị nội dung các kỳ họp của Ban Chấp hành và Ban Thường vụ; định kỳ báo cáo cho Ban Chấp hành và Ban Thường vụ về các hoạt động của Hội; lập báo cáo hàng năm, báo cáo nhiệm kỳ của Hội, Ban Chấp hành Hội theo Điều lệ Hội và quy định của pháp luật;

d) Quản lý và sử dụng tài sản, tài chính của Hội theo Quy chế quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hội do Ban Chấp hành Hội ban hành theo quy định của pháp luật;

e) Chịu trách nhiệm về các hoạt động của Văn phòng Hội trước Chủ tịch, Ban Chấp hành, Ban Thường vụ và trước cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Điều 20. Văn phòng Hội, các ban chuyên môn, tổ chức trực thuộc

1. Văn phòng Hội và các ban chuyên môn của Hội do Ban Thường vụ xem xét, thông qua và đề nghị Chủ tịch Hội quyết định.

2. Văn phòng Hội là bộ máy giúp việc cho Ban Chấp hành, Ban Thường vụ; trực tiếp quản lý tài sản và tài chính của Hội, hoạt động theo các Quy chế của Hội và quy định cụ thể của Ban Thường vụ; chịu sự chỉ đạo của Chủ tịch và điều hành cụ thể của Phó Chủ tịch kiêm Tổng Thư ký.

3. Các Ban chuyên môn là bộ phận giúp việc cho Hội theo lĩnh vực, chịu sự chỉ đạo của Chủ tịch; hoạt động theo các Quy chế của Hội.

4. Văn phòng Hội có nhiệm vụ:

a) Thực hiện việc tổng hợp, nghiệp vụ kế toán, thông tin, báo cáo Chủ tịch Hội, Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Tổng thư ký Hội;

b) Giúp Tổng thư ký chuẩn bị tổ chức Đại hội, hội nghị thường niên, hội thảo chuyên đề, hội nghị; phối hợp với các văn phòng đại diện của Hội;

c) Theo dõi, cập nhật tình hình hoạt động, tư vấn, cung cấp thông tin cho hội viên của Hội;

d) Thực hiện việc lưu trữ hồ sơ, quản lý hồ sơ hội viên bao gồm việc gia nhập, điều chỉnh, bổ sung, xin rút, khai rút; thu phí gia nhập và hội phí hội viên theo Điều lệ Hội và phù hợp với quy định của pháp luật;

e) Văn phòng Hội có trách nhiệm quản lý, bảo quản, sử dụng tài sản và tài chính của Hội đúng mục đích, có hiệu quả theo quy định của pháp luật.

5. Việc thành lập các đơn vị, tổ chức có tư cách pháp nhân trực thuộc Hội phải tuân thủ theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội. Các tổ chức trực thuộc Hội hoạt động theo Quy chế hoạt động riêng phù hợp với từng tổ chức trực thuộc Hội do Ban Thường vụ Hội xem xét, thông qua và ban hành phù hợp với Điều lệ Hội và tuân thủ quy định của pháp luật.

a) Người đứng đầu đơn vị, tổ chức pháp nhân thuộc Hội chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội về mọi hoạt động của pháp nhân thuộc Hội.

b) Việc giải thể, sáp nhập, chia, tách; quản lý và hoạt động; bổ nhiệm,

miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật chức danh cấp trưởng, cấp phó của tổ chức có tư cách pháp nhân thuộc Hội thực hiện theo quy định của pháp luật, Điều lệ Hội;

c) Hồ sơ, điều kiện, trình tự, thủ tục thành lập các tổ chức có tư cách pháp nhân thuộc Hội thực hiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ này. Hội báo cáo cơ quan quản lý nhà nước về việc thành lập pháp nhân thuộc Hội theo quy định của pháp luật.

Chương V

CHIA, TÁCH; SÁP NHẬP; HỢP NHẤT; ĐỔI TÊN VÀ GIẢI THỂ

Điều 21. Chia, tách; sáp nhập; hợp nhất; đổi tên và giải thể Hội

1. Việc chia, tách; sáp nhập; hợp nhất; đổi tên và giải thể Hội thực hiện theo quy định của Bộ luật Dân sự, quy định của pháp luật về hội, nghị quyết Đại hội và các quy định pháp luật có liên quan.

2. Khi chia, tách; sáp nhập; hợp nhất; giải thể phải tiến hành kiểm kê tài sản, tài chính của Hội chính xác, đầy đủ, công khai, minh bạch và thực hiện thủ tục theo quy định của pháp luật.

Chương VI

TÀI CHÍNH VÀ TÀI SẢN

Điều 22. Tài chính và tài sản của Hội

1. Nguồn thu của Hội:

a) Lệ phí gia nhập Hội, hội phí hàng năm của hội viên;

b) Thu từ các hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật;

c) Tiền tài trợ, ủng hộ của tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật;

d) Ngân sách Nhà nước hỗ trợ (nếu có) cho các nhiệm vụ Nhà nước giao theo quy định của pháp luật;

đ) Các khoản thu hợp pháp khác;

2. Các khoản chi của Hội:

a) Chi hoạt động thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Hội;

b) Chi cho hoạt động quản lý Hội;

c) Chi thuê trụ sở làm việc, mở văn phòng đại diện, mua sắm tài sản, thiết bị, phương tiện làm việc, phương tiện vận chuyển;

d) Chi thực hiện chế độ, chính sách đối với những người làm việc tại Hội, như lương, thù lao, phụ cấp, công tác phí, bảo hiểm, phúc lợi cho cán bộ chuyên trách; chi bồi dưỡng cho cán bộ bán chuyên trách; chi khen thưởng, chi hợp tác

quốc tế và các khoản chi khác theo Quy chế quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hội, phù hợp với khả năng tài chính của Hội và quy định của pháp luật;

e) Chi thực hiện nhiệm vụ nhà nước giao (nếu có).

3. Tài sản của Hội: Tài sản của Hội bao gồm trụ sở, trang thiết bị, phương tiện phục vụ hoạt động của Hội. Tài sản của Hội được hình thành từ nguồn kinh phí của Hội; do các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước hiến, tặng, tài trợ, ủng hộ, theo quy định của pháp luật; được Nhà nước hỗ trợ (nếu có).

Điều 23. Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hội

1. Việc quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hội được thực hiện theo quy định của pháp luật dân sự, pháp luật có liên quan và Điều lệ Hội.

2. Đối với tài sản công (nếu có) việc quản lý thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công.

3. Ban Chấp hành Hội ban hành Quy chế quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hội, đảm bảo nguyên tắc công khai, minh bạch, tiết kiệm phù hợp với quy định của pháp luật và tôn chỉ, mục đích hoạt động của Hội.

4. Báo cáo tài chính được thực hiện trong hội nghị Ban Chấp hành hàng năm và trong Đại hội nhiệm kỳ.

5. Tài chính, tài sản của Hội khi chia, tách; sáp nhập; hợp nhất và giải thể được giải quyết theo quy định của pháp luật.

Chương VII KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT

Điều 24. Khen thưởng

1. Tổ chức, đơn vị thuộc Hội, hội viên có thành tích xuất sắc được Hội khen thưởng theo Điều lệ Hội hoặc được Hội đề nghị cơ quan, tổ chức có thẩm quyền khen thưởng theo quy định của pháp luật.

2. Ban Chấp hành Hội ban hành Quy chế khen thưởng, kỷ luật; quy định cụ thể tiêu chuẩn, hình thức, thẩm quyền, thủ tục khen thưởng theo Điều lệ Hội và phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 25. Kỷ luật

1. Tổ chức, đơn vị thuộc Hội, hội viên vi phạm pháp luật, vi phạm Điều lệ, quy chế, quy định, quy tắc của Hội, làm tổn hại đến uy tín của Hội thì bị xem xét, thi hành kỷ luật bằng các hình thức: Phê bình, khiển trách, cảnh cáo, cách chức (nếu có), xóa tên, khai trừ hoặc bị giải thể (đối với tổ chức). Nếu gây thiệt hại về tài sản, tài chính thì ngoài hình thức kỷ luật còn phải bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.

2. Ban Chấp hành Hội quy định cụ thể về khen thưởng, kỷ luật trong nội bộ Hội theo Điều lệ Hội và phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 26. Khiếu nại, giải quyết khiếu nại trong nội bộ Hội

1. Hội viên khiếu nại Hội về hình thức kỷ luật tại Điều 25 phải đảm bảo thực

hiện đúng trình tự theo Điều lệ Hội và phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Ban Chấp hành Hội quy định cụ thể hình thức, thẩm quyền, thủ tục xem xét khiếu nại, giải quyết khiếu nại trong nội bộ Hội theo Điều lệ Hội và phù hợp với quy định của pháp luật.

3. Hội chịu trách nhiệm hòa giải tranh chấp, giải quyết phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo trong nội bộ Hội và liên quan đến Hội, tổ chức pháp nhân trực thuộc Hội, hội viên của Hội theo quy định của pháp luật, Điều lệ Hội và báo cáo kết quả xác minh, giải quyết với cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Chương VIII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 27. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Hội

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Hội được Đại hội đại biểu toàn quốc Hội Bảo vệ người tiêu dùng Việt Nam thông qua khi có 2/3 (hai phần ba) số đại biểu chính thức có mặt tại Đại hội biểu quyết tán thành.

2. Điều lệ (sửa đổi, bổ sung) Hội phải được Hội Bảo vệ người tiêu dùng Việt Nam hoàn thiện đảm bảo phù hợp theo quy định của pháp luật và được Bộ trưởng Bộ Nội vụ phê duyệt mới có giá trị thực hiện.

Điều 28. Hiệu lực thi hành

1. Điều lệ (sửa đổi, bổ sung) của Hội Bảo vệ người tiêu dùng Việt Nam gồm 08 (tám) Chương, 28 (hai mươi tám) Điều đã được Đại hội đại biểu lần thứ II, nhiệm kỳ 2023 - 2028 nhất trí thông qua ngày 19 tháng 01 năm 2024 và có hiệu lực thi hành theo Quyết định phê duyệt của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

2. Điều lệ (sửa đổi, bổ sung) này thay thế Điều lệ Hội đã được phê duyệt kèm theo Quyết định số 227/QĐ-BNV ngày 21 tháng 3 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

3. Căn cứ quy định pháp luật về hội và Điều lệ Hội, Ban Chấp hành Hội Bảo vệ người tiêu dùng Việt Nam có trách nhiệm hướng dẫn và tổ chức thực hiện Điều lệ này./.